

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2017/HS - ST
Ngày: 14 - 12 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thanh Bình

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án, Toà án Nhân dân Huyện T.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên Toà:

Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh T, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 65/2017/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2017.

Đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T(Tên gọi khác: N); Sinh ngày 18 tháng 10 năm 1996

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Đội 4 xã N, huyện N, tỉnh T.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: Lớp 9/12

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Bố đẻ: Nguyễn Hữu P; Sinh năm 1970

Mẹ đẻ: Lê Thị N; Sinh năm 1976

Hiện nay bố mẹ làm ruộng tại đội 4 xã N, huyện N, tỉnh T.

Chưa có vợ con

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu.

Tiền sự: Chưa

Tiền án: Ngày 30/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt là 12 tháng tù. Ngày 06/5/2015 chấp hành xong phần án phí HSST. Ngày 13/3/2016 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Lê Văn T(Tên gọi khác: B); Sinh ngày 06 tháng 8 năm 1995

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Đội 4 xã N, huyện N, tỉnh T

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: Lớp 9/12
Nghề nghiệp: Lao động tự do
Bố đẻ: Lê Văn T; Sinh năm 1970
Mẹ đẻ: Trịnh Thị T; Đã chết.
Mẹ kế: Trịnh Thị T; Sinh năm 1978
Hiện là công nhân và trú tại đội 4 xã N, huyện N, tỉnh T.
Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu.
Vợ: Phạm Thị Đ; Sinh năm 1997.
Hiện lao động tự do tại đội 4 xã N, huyện N, tỉnh T.
Có 02 con: Con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016.
Tiền án; Tiền sự: Chưa
Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2017 đến nay.
Bị cáo có mặt tại phiên toà.
- *Người bị hại*: 1. Chị Bùi Thị T; Sinh năm 1990. Có mặt
Trú tại: Tiểu khu 3 thị trấn C, huyện B, tỉnh T.
2. Chị Bùi Thị L; Sinh năm 1996. Có mặt
Trú tại: Thôn C xã H, huyện B, tỉnh T.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:
1. Anh Vũ Minh T; Sinh năm 1985. Vắng mặt.
Địa chỉ: Khu 9 thị trấn T, huyện T, tỉnh T
2. Chị Lê Thị Phương H; Sinh 1982. Vắng mặt.
Địa chỉ: Khu 7 thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Sáng ngày 08/7/2017, Nguyễn Văn T và Lê Văn Th đều ở đội 4 xã N, huyện N cùng đi trên một chiếc xe máy Sirius màu trắng bạc biển kiểm soát 36K5 - 130.79. T là người điều khiển xe đi từ nhà nghỉ P xã T, huyện T đến thôn T xã K, huyện N để lấy tiền của người quen về trả tiền phòng nghỉ. Trên đường về khi đi đến đoạn đường gần cầu T thuộc địa phận xã K, huyện N thì phát hiện thấy chị Bùi Thị T và chị Bùi Thị L đi trên một chiếc xe máy biển kiểm soát 36G5 - 101.97 do chị L điều khiển, giữa vị trí hai người ngồi có để một chiếc túi xách màu đen không có dây đeo. T hỏi Th : "Có làm không" ý là có cướp giật túi xách không. Th nói với T là đi từ từ, bám theo phía sau. Khi đi đến đoạn đường đôi nối giữa đường Hồ Chí Minh và đường Quốc lộ 47 thuộc địa phận xã X, huyện T thì T hỏi Th: "Vắng người rồi, làm được chưa?" Th quay người lại nhìn phía sau không thấy ai liền bảo T: "Ừ làm đi". T điều khiển xe vượt lên áp sát về phía bên trái xe máy của chị L đang điều khiển, Th ngồi phía sau bất ngờ dùng tay phải giật chiếc túi xách đang để ở giữa. Sau khi giật được túi xách, T điều khiển xe mô tô quay đầu bỏ chạy về hướng đi thị

trần L. Chị L và chị T đuổi theo nhưng không kịp nên đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Trong chiếc túi xách màu đen của chị T bị chiếm đoạt có một chiếc điện thoại Oppo F1S, một giấy phép lái xe hạng A1; 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ ngân hàng của chị Bùi Thị T. Một điện thoại Samsung Galaxy Tab E 9.6 T561; 01 điện thoại Samsung Galaxy Tab 3; 01 tai nghe; 01 sạc pin điện thoại; 01 Giấy chứng minh nhân dân; 02 thẻ ngân hàng; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 là của chị Bùi Thị L và 01 Đăng ký xe máy mang tên Bùi Văn H.

Sau khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản Th và T đã đem hai chiếc điện thoại Sam Sung bán cho cửa hàng mua bán điện thoại H ở khu 7 thị trấn T. Chiếc điện thoại Samsung Galaxy Tab E 9.6 T561 bán 2.000.000đ; Chiếc điện thoại Samsung Galaxy Tab 3 bán 850.000đ. Chiếc điện thoại Oppo F1S Th bán cho anh Vũ Minh T ở khu 9 thị trấn T với giá 2.300.000đ. Toàn bộ số tiền bán điện thoại Th và T chia nhau và chi tiêu cá nhân hết.

Th khai nhận chiếc túi xách đã ném ở ven đường thuộc xã T, giắt tờ thì ném hai bên đường thuộc xã X, huyện T. Cơ quan điều tra đã tiến hành tìm kiếm và ra Thông báo truy tìm đối với các vật chứng trên nhưng vẫn chưa có kết quả.

Ngày 10/7/2017 T cùng vợ chồng Th bắt xe đi Hà Nội. Tối ngày 17/7/2017 T bắt xe về N. Ngày 18/7/2017 T đã đến cơ quan Công an tự thú khai nhận đã cùng Th thực hiện hành vi cướp giật nói trên. Ngày 20/7/2017 Lê Văn Th đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt khẩn cấp tại phường M, quận H, thành phố H.

Ngày 18/7/2017 anh Vũ Minh T đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Oppo F1S và 01 USB màu đen lưu giữ hình ảnh Lê Văn Th vào cửa hàng bán điện thoại Oppo F1S; Chị Lê Thị Phương H đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Samsung Galaxy Tab E 9.6 T561 cho cơ quan điều tra. Chiếc điện thoại Samsung Galaxy Tab 3 chị H khai nhận đã bán cho một người khách không quen biết nên không thu hồi được.

Cơ quan điều tra đã Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với 02 chiếc điện thoại thu được. Ngày 10/8/2017 Hội đồng định giá trong tổ tụng Hình sự huyện T kết luận: Chiếc điện thoại Samsung Galaxy Tab E 9.6 T561 vỏ màu trắng màn hình cảm ứng trị giá 4.712.556đ; Chiếc điện thoại Oppo F1S màu vàng, màn hình cảm ứng, trị giá 4.019.944 đ.

Đối với chiếc xe máy Sirius màu trắng xanh biển kiểm soát 36K5 - 130.79 T khai nhận sau khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, T đã cầm cố xe cho chị Nguyễn Thị L ở phố T, thị trấn N. Quá trình cơ quan điều tra làm việc chị L không công nhận việc cầm cố chiếc xe máy của T nên Cơ quan điều tra chưa thu giữ được.

Người bị hại là chị Bùi Thị L đã nhận lại chiếc điện thoại Samsung Galaxy Tab E 9.6 T561. Chị Liên yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại chiếc điện thoại Galaxy Tab 3 trị giá 4.000.000đ và chi phí cho việc làm lại các giấy tờ cá nhân bị mất là 963.000đ; Chị Bùi Thị T đã nhận lại chiếc điện thoại Oppo F1S và yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí cho việc làm lại các giấy tờ cá nhân bị mất là 840.000đ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Minh T yêu cầu các bị

cáo phải bồi thường số tiền bỏ ra mua chiếc điện thoại Oppo F1S là 2.300.000đ; Chị Lê Thị Phương H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền bỏ ra mua chiếc điện thoại Samsung Galaxy Tab E 9.6 T561 là 2.000.000đ.

Vật chứng của vụ án: 01chiếc USB nhãn hiệu DT101G2 màu đen hiện đang được quản lý tại chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Tại bản cáo trạng số 65/VKS - HS ngày 25/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn T về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Cáo trạng và quyết định truy tố đối với các bị cáo; Đề nghị HĐXX tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn Th phạm tội: “Cướp giật tài sản”; Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn Th; Áp dụng thêm điểm o khoản 1 điều 46 và điểm g khoản 1 điều 48 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn T; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 04(Bốn)năm 06(Sáu) tháng tù đến 05(Năm) năm tù; Xử phạt bị cáo Lê Văn Th từ 04(Bốn) năm tù đến 04(Bốn) năm 06(Sáu) tháng tù. Đề nghị xử lý tang vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo và người bị hại không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra. Đối chiếu với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào khoảng 10h 20 phút ngày 08/7/2017 các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn Th đã có hành vi điều khiển xe mô tô trên đường cướp giật chiếc túi xách của chị Bùi Thị L và chị Bùi Thị T trong khi chị L cũng đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường. Hành vi của các bị cáo T và Th đủ yếu tố cấu thành tội: “Cướp giật tài sản”. Các bị cáo dùng xe mô tô làm công cụ, phương tiện để đi cướp giật tài sản, đây là thủ đoạn nguy hiểm nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 điều 136 Bộ luật Hình sự. Vì vậy có đủ cơ sở để HĐXX kết luận: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn Th phạm tội: "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 điều 136 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát truy tố các bị cáo như cáo trạng số 65/VKS - HS ngày 25/10/2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất của vụ án thì HĐXX thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng.

Xét về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo HĐXX thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng đều là đối tượng nghiện ma túy, lười lao động, thích hưởng thụ tài sản trên công sức lao động của người khác. Vì vậy vụ án phải xử lý nghiêm minh, bắt các bị cáo cách ly xã hội một thời gian thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và còn nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Xét vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều cố ý cùng thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là trường hợp có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Th cùng đi cướp giật tài sản. Bị cáo Th là người bị Tuấn rủ rê nhưng bị cáo Th là người thực hành, bị cáo Th là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Sau đó bị cáo Th trực tiếp đi bán tài sản cướp giật được và chia tiền cho bị cáo T. Do đó vai trò của các bị cáo ngang nhau.

Khi xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì HĐXX thấy rằng: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn nên các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS; Bị cáo T sau khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản đã đến cơ quan điều tra tự thú nên bị cáo T được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 điều 46 BLHS; Bị cáo T đã có một tiền án: Ngày 30/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt là 12 tháng tù. Ngày 06/5/2015 chấp hành xong phần án phí HSST. Ngày 13/3/2016 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Bị cáo T đã bị kết án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự. Vì vậy HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Xét yêu cầu của người bị hại là chị Bùi Thị L và chị Bùi thị T thì thấy rằng: Chiếc điện thoại Galaxy Tab 3 trị giá 4.000.000đ là tài sản của chị L bị các bị cáo chiếm đoạt, hiện tại không thu hồi được, số tiền bán điện thoại các bị cáo đã tiêu sài cá nhân nên căn cứ vào khoản 1 điều 42 BLHS buộc các bị cáo phải bồi thường cho chị L. Các giấy tờ cá nhân của chị L và chị T đều bị các bị cáo chiếm đoạt và vứt bỏ, hiện tại không thu hồi được. Các chi phí cho việc làm lại các giấy tờ cá nhân bị mất đều là chi phí thực tế nên buộc các bị cáo phải bồi thường cho chị L và chị T là phù hợp.

Xét yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Minh T và chị Lê Thị Phương H thì thấy rằng: Khi anh T và chị H mua điện thoại của các bị cáo thì anh T và chị H đều không biết các điện thoại này do phạm tội mà có; Anh T và chị H đều đã giao nộp lại hai chiếc điện thoại cho cơ quan điều tra; Mặt khác số

tiền bán điện thoại các bị cáo đều đã chi tiêu cá nhân hết nên buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh T số tiền bỏ ra mua chiếc điện thoại Oppo F1S là 2.300.000đ và chị H số tiền đã bỏ ra mua điện thoại Samsung Galaxy Tab E 9.6 T561 là 2.000.000đ là phù hợp.

Về xử lý vật chứng: 01 chiếc USB nhãn hiệu DT101G2 màu đen thuộc quyền sở hữu của anh Vũ Minh T không liên quan đến vụ án nên trả lại cho anh T.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Tuyên bố:* Các bị cáo Nguyễn Văn T(N) và Lê Văn Th(B) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- *Áp dụng:* Điểm d khoản 2 điều 136; Điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48; Điều 33 BLHS;

- *Xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Văn T(N) 04 (Bốn) năm 06(Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam(18/7/2017)

- *Áp dụng:* Điểm d khoản 2 điều 136; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS;

- *Xử phạt:* Bị cáo Lê Văn Th(B) 04 (Bốn) năm 06(Sáu) tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam(20/7/2017).

- *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ vào khoản 1 điều 42 Bộ luật Hình sự;

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn Th phải bồi thường thiệt hại gồm:

+ Chị Bùi Thị L; Sinh năm 1996; Trú tại: Thôn C xã H, huyện B, tỉnh T giá trị chiếc điện thoại Galaxy Tab 3 là 4.000.000đ và số tiền 963.000đ chi phí làm lại giấy tờ, tổng = 4.963.000đ;

+ Chị Bùi Thị T; Sinh năm 1990. Trú tại: Tiểu khu 3 thị trấn C, huyện B, tỉnh T số tiền 840.000đ;

+ Chị Lê Thị Phương H; Sinh 1982; Địa chỉ: Khu 7 thị trấn T, huyện T, tỉnh T số tiền 2.000.000đ;

+ Anh Vũ Minh T; Sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu 9 thị trấn T, huyện T, tỉnh T số tiền 2.300.000đ.

Tổng = 10.103.000đ; Chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 5.051.500đ.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

- *Xử lý vật chứng*: Trả lại cho anh Vũ Minh T 01 chiếc USB nhãn hiệu DT101G2 màu đen theo Biên bản giao nhận vật chứng số 06 và phiếu nhập kho số PNK 06 ngày 14/11/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 99 BLTTHS và các điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST, tổng = 500.000đ.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Công an huyện
- VKSND
- Toà án ND tỉnh Thanh Hóa
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa
- Bị cáo
- THA dân sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng